

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 451/QĐ-ĐHKG ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: **Truyền thông đa phương tiện**

Trình độ đào tạo: **Đại học (Cử nhân)**

Ngành đào tạo: **Truyền thông đa phương tiện (Multimedia Communications)**

Mã ngành: **7320104**

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân Truyền thông đa phương tiện (TTĐPT) trình độ đại học đào tạo những cử nhân Truyền thông đa phương tiện có kiến thức chuyên môn vững chắc về nền tảng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông đa phương tiện, có kỹ năng thành thạo đáp ứng nhu cầu nhân lực TTĐPT, có khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, sáng tạo trong giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực TTĐPT; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thích ứng với thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời nhằm hướng đến việc đào tạo nhân lực theo hướng hội nhập quốc tế.

Đào tạo cử nhân ngành TTĐPT cung cấp cho xã hội đội ngũ chuyên môn khoa học có phẩm chất chính trị tốt, có bản lĩnh chuyên môn và các lĩnh vực chuyên sâu về CNTT và truyền thông đa phương tiện; nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Sinh viên sau khi ra trường có khả năng nghiên cứu độc lập, đảm nhiệm các vị trí công việc khác nhau như: chuyên viên truyền thông; PR; quảng cáo tại các cơ quan trong và ngoài nước, các cơ quan thông tấn báo chí, quản lý dự án đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu và tự bồi dưỡng và tiếp tục học ở các trình độ cao hơn.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Về kiến thức:

+ **PO1:** Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

+ **PO2:** Kiến thức về khoa học xã hội nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của hoạt động thực hành nghiệp vụ truyền thông.

+ **PO3:** Kiến thức về các nguyên lý và quy luật về truyền thông, và quảng cáo, báo chí để có thể vận dụng vào hiểu các hoạt động truyền thông, quảng cáo của các đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp.

+ **PO4:** Kiến thức chuyên sâu về hoạt động truyền thông như: kiến thức về truyền thông đa phương tiện, chiến lược PR, quảng cáo đa phương tiện, xử lý khủng hoảng truyền thông, quản lý các dự án truyền thông, kiến thức về báo chí dữ liệu và khối kiến thức về công nghệ như: đồ họa đa phương tiện, ứng dụng thiết kế web.

1.2.2 Về kỹ năng:

+ **PO5:** Vận dụng các kỹ năng, kiến thức để quản lý các sản phẩm truyền thông đa phương tiện : Thu thập, tìm hiểu, phân tích và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng để phục vụ công tác xây dựng các sản phẩm truyền thông.

+ **PO6:** : Có kỹ năng xây dựng và phát triển quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông; ứng dụng và phát triển các sản phẩm quảng cáo đa phương tiện; viết và biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Có kỹ năng quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện.

+ **PO7:** Có kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng hội nhập môi trường quốc tế.

+ **PO8:** Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và cộng đồng; giao tiếp và truyền đạt tốt thông tin trong chuyên môn; thu thập và xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn; sử dụng CNTT và ngoại ngữ phục vụ chuyên môn và quản lý; quản lý và lãnh đạo nhóm.

1.2.3 Về thái độ:

+ **PO9:** Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập, giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

+ **PO10:** Có phẩm chất chính trị, ý thức phục vụ nhân dân; Có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Yêu nghề, đam mê học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có tinh thần phục vụ cộng đồng.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1. Học phần thuộc khối Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2. Học phần thuộc khối Kiến thức ngành và chuyên ngành

PLO7: Nắm vững kiến thức về các nguyên lý lập trình và cấu trúc dữ liệu; các giải thuật để giải quyết các bài toán lập trình, từ đó phát triển các kỹ năng lập trình để có thể phân tích, xây dựng thuật toán giải quyết các vấn đề thực tế. Nắm vững kiến thức về kiến trúc máy tính, về hệ điều hành máy tính, về mạng máy để hiểu được vai trò và cơ chế hoạt động của một hệ thống mạng máy tính, dịch vụ mạng; kiến thức về mạng Internet để giúp tạo ra sản phẩm truyền thông trên Internet.

PLO8: Nắm vững các kiến thức về mỹ thuật học, lý thuyết cơ sở về tổ chức sự kiện, quan hệ công chúng, pháp luật và đạo đức trong tác nghiệp báo chí và truyền thông. Kiến thức về quay phim, chụp hình, thiết kế đồ họa 2D/3D, biên tập Audio và Video, kỹ xảo điện ảnh,... để phối hợp với kiến thức về Công nghệ thông tin tạo ra những sản phẩm truyền thông đa phương tiện có chất lượng.

PLO9: Có kỹ năng quản lý; cách thức tổ chức sản xuất các sản phẩm đa phương tiện như podcast, video, website... và tư vấn các dự án truyền thông, quảng cáo đa phương tiện bao gồm phân tích, đánh giá các đề xuất, giải pháp và chiến lược nhằm cải thiện kết quả hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo của tổ chức/doanh nghiệp.

PLO10: Khả năng sử dụng thành thạo các kỹ thuật và công cụ công nghệ đa phương tiện (ghi âm, chụp ảnh, quay phim, xử lý ảnh, thiết kế đồ họa, dựng phim, kỹ xảo, lồng tiếng, ...) để sản xuất các sản phẩm đa phương tiện phục vụ lĩnh vực báo chí truyền thông. Khả năng tư vấn cho các tổ chức và các doanh nghiệp trong việc lựa chọn giải pháp và sản phẩm truyền thông đa phương tiện phù hợp.

PLO11: Sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình và kỹ thuật lập trình; phân tích thiết kế hệ thống thông tin; các công nghệ Web tiên tiến, các ứng dụng trong phát triển các Website thương mại điện tử để tham gia các dự án gia công phần mềm, lập trình Web, lập trình Game, lập trình cho thiết bị di động.

PLO12: Có kỹ năng viết, biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện đáp ứng yêu cầu các nghiệp vụ tác nghiệp cơ bản của người làm trong lĩnh vực Truyền thông, Quan hệ công chúng hay Quảng cáo (dẫn chương trình, sáng tạo nội dung, viết kịch bản đa phương tiện, sáng tạo quảng cáo ...).

PLO13: Có kỹ năng phối hợp, thích ứng nhanh và linh hoạt với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Truyền thông, Quan hệ công chúng và Quảng cáo như phỏng vấn và xử lý khủng hoảng, thực hiện các chiến lược truyền thông chính sách. Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề và báo cáo phân tích;

DỤC
T
Đ/
K
C

Handwritten signature

thành thạo kỹ năng diễn thuyết và thuyết trình chuyên môn liên quan tới các hoạt động Truyền thông, Quan hệ công chúng và Quảng cáo.

PLO14: Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ; có đủ sức khỏe để làm việc.

PLO15: Có khả năng nhận thức, đánh giá vấn đề đúng đắn, logic và phù hợp với thực tế và xu thế phát triển; Có nhận thức về yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu, học tập suốt đời, chịu khó và đủ năng lực để tiếp cận, phát triển những kiến thức tiên tiến, công nghệ mới trong bối cảnh xã hội, kinh tế toàn cầu; Đánh giá cơ hội để thích ứng, lập nghiệp và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	SPLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
PO1	x	x	x												
PO2	x											x			
PO3				x				x						x	
PO4		x		x								x	x		
PO5										x					
PO6									x	x					
PO7					x							x			
PO8					x	x	x					x			
PO9														x	
PO10					x	x									x

A. Kien

Bảng 2. Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CĐR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

Khung TD QG PLOs	Kiến thức					Kĩ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1	x	x	x	x	x			x							
PLO2	x	x	x	x	x										
PLO3	x	x	x	x	x						x				
PLO4				x	x	x									
PLO5		x				x	x	x	x	x		x	x	x	x
PLO6		x										x			
PLO7	x					x	x			x					
PLO8				x	x				x			x			
PLO9					x		x		x						
PLO10		x									x	x			
PLO11				x			x								
PLO12				x		x									
PLO13			x							x			x		
PLO14								x		x					
PLO15												x		x	x

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Bảng 3. Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	73	20
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	34	29	5
2.2	Kiến thức chuyên ngành	49	44	5

A. P. Hoa

2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng:		121	97	24

T. Keer

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
I.1 Kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
7	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
8	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
9	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
10	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
I.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
I.3 Kiến thức tự chọn			4				
18	G25154	Phương pháp nghiên cứu khoa học – CNTT	2	10	0	20	30
19	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
20	G25222	Pháp luật và đạo đức báo chí	2	30	0	0	30
21	G26221	Mỹ học đại cương	2	15	0	15	30
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
* Kiến thức cơ sở ngành			34				
Bắt buộc			29				
23	G26155	Lập trình căn bản	4	20	30	25	75
24	G26178	Mạng máy tính	3	20	30	10	60
25	G26180	Cơ sở dữ liệu	4	25	30	20	75
26	G26223	Thiết kế quảng cáo	2	20	0	10	30

A/Coz

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
27	G26224	Biên tập đa phương tiện	3	20	30	10	60
28	G26226	Đồ họa với Corel	3	20	30	10	60
29	G26227	Kỹ thuật Photoshop	3	20	30	10	60
30	G26228	Dựng hình 2D/3D	2	15	30	0	45
31	G26229	Kỹ thuật quay phim, chụp hình	2	20	0	10	30
32	G26215	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật TMDT	3	15	30	15	60
Tự chọn			5				
33	G26230	Kịch bản đa phương tiện	2	30	0	0	30
34	G26231	Tổ chức sự kiện	2	30	0	0	30
35	G26264	Xã hội học đại cương	2	30	0	0	30
36	G26263	Logic học	2	30	0	0	30
37	G26234	Tác phẩm và thể loại báo chí	2	30	0	0	30
38	G26235	Thiết kế phóng sự	2	30	0	0	30
39	G26236	Sản xuất chương trình phát thanh truyền hình	2	20	0	10	30
40	G26237	Phỏng vấn ghi hình	2	20	0	10	30
41	G26233	Thiết kế tương tác đa phương tiện	3	20	30	10	60
42	G26183	Anh văn chuyên ngành CNTT	3	25	0	20	45
43	G26225	Xây dựng nội dung truyền thông	3	20	30	10	60
44	G26238	Phim tài liệu và ký sự	3	20	30	10	60
* Kiến thức ngành			49				
Bắt buộc			44				
45	G27186	Lập trình Web	3	20	30	10	60
46	G28169	Phát triển ứng dụng trên nền Web	3	20	30	10	60
47	G27266	Kỹ năng sáng tạo truyền thông	3	20	30	10	60
48	G27240	Bảo mật hệ thống và an ninh mạng	3	20	30	10	60
49	G27188	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	20	30	10	60
50	G27241	Quản lý dự án truyền thông	3	20	30	10	60
51	G27242	Hiệu ứng và kỹ xảo phim	3	20	30	10	60
52	G27243	Biên tập phim	3	20	30	10	60
53	G27244	Sản xuất video	3	20	30	10	60
54	G27245	Sản xuất podcast	3	20	30	10	60
55	G27248	Biên tập văn bản báo chí	3	20	30	10	60
56	G27197	Mạng không dây và di động	3	30	0	15	45
57	G27171	Niên luận cơ sở	4	0	120	0	120

A. Kieu

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
58	G27049	Thực tập nghề nghiệp	4	0	120	0	120
Tự chọn			5				
59	G27246	Thiết kế ấn phẩm báo chí	3	30	30	0	60
60	G27250	Xuất bản truyền thông	3	30	30	0	60
61	G27251	Sản xuất phim	3	30	30	0	60
62	G27265	Truyền thông Marketing	3	30	30	0	60
63	G27200	Lập trình mạng	3	15	30	15	60
64	G27253	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3	20	30	10	60
65	G27210	Tìm kiếm thông tin	3	15	30	15	60
66	G27194	Hệ thống thông tin địa lý	3	15	30	15	60
67	G27157	Công nghệ Web	3	20	30	10	60
68	G27252	Quản trị thương hiệu	2	15	30	0	45
69	G27249	Rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	2	30	0	0	30
70	G27254	Kỹ năng dẫn chương trình	2	30	0	0	30
71	G27255	Đối thoại truyền hình	2	30	0	0	30
72	G27256	Xây dựng trò chơi đa phương tiện	3	20	30	10	60
* Khóa luận tốt nghiệp:			10	Sinh viên chọn học phần “Khóa luận tốt nghiệp” hoặc chọn tổ hợp các học phần tự chọn bên dưới, trong đó nếu chọn tổ hợp các học phần tự chọn thì học phần “Niên luận chuyên ngành” là bắt buộc.			
73	G28051	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300	0	300
Học phần tự chọn tốt nghiệp			10				
74	G28172	Niên luận chuyên ngành	4	0	120	0	120
75	G28053	Thương mại điện tử - CNTT	3	20	30	10	60
76	G28259	Xuất bản điện tử	3	30	30	0	60
77	G27192	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	20	30	10	60
78	G27190	Xử lý dữ liệu lớn	3	20	30	10	60
79	G28261	Truyền thông quốc tế	2	15	30	0	45
80	G28262	Truyền thông và dư luận xã hội	2	15	30	0	45

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo, Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của Khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo/.

T. Lee

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành

